

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ¹

**Hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định
tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014
của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản**

Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2014 và được áp dụng từ ngày 25 tháng 8 năm 2014 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 97/2015/TT-BTC ngày 23/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2015.

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

¹ Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2014 và được áp dụng từ ngày 25 tháng 8 năm 2014;

- Thông tư số 97/2015/TT-BTC ngày 23/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2015.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư trên.

Căn cứ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm;

Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Điều 5 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.²

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Điều 5 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 67/2014/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp bảo hiểm được chấp thuận triển khai bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp bảo hiểm).

2. Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

² *Thông tư số 97/2015/TT-BTC ngày 23/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản có căn cứ như sau:*

“Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản (sau đây gọi tắt là Thông tư số 115/2015/TT-BTC).”

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện bảo hiểm

1. Thực hiện bảo hiểm mọi rủi ro với mức trách nhiệm bồi thường bảo hiểm cao nhất trong phạm vi bảo hiểm và số tiền bảo hiểm theo quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm, ngoại trừ những rủi ro mang tính chủ quan của người được bảo hiểm và các hành vi trục lợi bảo hiểm.

2. Chủ tàu có trách nhiệm mua bảo hiểm tai nạn thuyền viên cho thuyền viên làm việc trên tàu và thực hiện giao kết hợp đồng bảo hiểm tai nạn thuyền viên với doanh nghiệp bảo hiểm.

3. Việc hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm được thực hiện thông qua doanh nghiệp bảo hiểm theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 8 Thông tư này khi đã thực hiện giao kết hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm.

4. Doanh nghiệp bảo hiểm triển khai thực hiện bảo hiểm theo quy tắc, điều khoản, biểu phí chung thống nhất đã đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Điều 4. Yêu cầu đối với doanh nghiệp bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

1. Yêu cầu về năng lực tài chính

a) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 800 tỷ đồng và tổng tài sản tối thiểu 2.000 tỷ đồng tại thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất;

b) Đảm bảo biên khả năng thanh toán theo quy định pháp luật.

2. Yêu cầu về quản trị doanh nghiệp

a) Có hệ thống quy trình khai thác, giám định, bồi thường bảo hiểm tai nạn thuyền viên; bảo hiểm thân tàu, trang thiết bị và ngư lưới cụ (sau đây gọi tắt là bảo hiểm khai thác hải sản);

b) Có chương trình tái bảo hiểm để bảo vệ chương trình bảo hiểm khai thác hải sản.

3. Yêu cầu về mạng lưới triển khai bảo hiểm khai thác hải sản

Có chi nhánh tại tối thiểu 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tàu đăng ký hoạt động.

4. Yêu cầu về kinh nghiệm triển khai bảo hiểm khai thác hải sản

a) Có tối thiểu 10 năm hoạt động kinh doanh bảo hiểm, trong đó tối thiểu 5 năm triển khai bảo hiểm khai thác hải sản;

b) Có tổng doanh thu phí bảo hiểm khai thác hải sản trong 5 năm gần nhất đạt tối thiểu 15 tỷ đồng.

5. Cam kết tuân thủ quy định của pháp luật và văn bản chỉ đạo của Bộ Tài chính.

6. Được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản về việc triển khai bảo hiểm khai thác hải sản.

Điều 5. Hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận triển khai bảo hiểm

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận triển khai bảo hiểm khai thác hải sản bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị được triển khai bảo hiểm khai thác hải sản theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao các tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều 4 Thông tư này và Báo cáo doanh thu, bồi thường bảo hiểm khai thác hải sản của 5 năm gần nhất có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bảo hiểm.

2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính có văn bản trả lời về việc chấp thuận hoặc từ chối chấp thuận. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính phải nêu rõ lý do.

Điều 6. Đối tượng được hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm

1. Chủ tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

a) Là thành viên của tổ đội, hợp tác xã khai thác hải sản;

b) Có Giấy chứng nhận đăng ký tàu, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật;

c) Có giấy phép khai thác thủy sản đối với tàu khai thác hải sản xa bờ hoặc đăng ký tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo quy định của pháp luật;

d) Đã thực hiện đăng ký thuyền viên và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp sổ danh bạ thuyền viên theo quy định pháp luật;

đ) Có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về đối tượng được hỗ trợ.

2. Thuyền viên làm việc trên tàu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 7. Hỗ trợ của Nhà nước

1. Mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước

Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm cho các tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ là thành viên tổ đội, hợp tác xã khai thác hải sản và có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ hàng năm 100% kinh phí mua bảo hiểm tai nạn thuyền viên cho mỗi thuyền viên làm việc trên tàu;

b) Hỗ trợ hàng năm kinh phí mua bảo hiểm thân tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ trên mỗi tàu với mức:

- 70% kinh phí mua bảo hiểm đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 90CV đến dưới 400CV;

- 90% kinh phí mua bảo hiểm đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên.

2. Kinh phí hỗ trợ

Kinh phí hỗ trợ được đảm bảo từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

a) Ngân sách trung ương hỗ trợ 100% kinh phí đối với các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách và tỉnh Quảng Ngãi;

b) Ngân sách trung ương hỗ trợ 50% kinh phí đối với các địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương dưới 50%, ngân sách địa phương đảm bảo 50% còn lại;

c) Các địa phương còn lại sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện.

3. Phương thức hỗ trợ

Doanh nghiệp bảo hiểm được ngân sách nhà nước chi trả phí bảo hiểm khai thác hải sản (phần ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định) theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Điều 8. Hồ sơ, trình tự và thủ tục chi trả phí bảo hiểm khai thác hải sản được ngân sách nhà nước hỗ trợ

1. Hồ sơ đề nghị chi trả phí bảo hiểm khai thác hải sản được ngân sách nhà nước hỗ trợ

a) Đơn đề nghị chi trả phí bảo hiểm khai thác hải sản theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về đối tượng được hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bảng kê (kèm theo bản sao) Giấy chứng nhận bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm cấp cho chủ tàu theo mẫu quy định tại Phụ lục 4, Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trình tự và thủ tục chi trả phí bảo hiểm khai thác hải sản được ngân sách nhà nước hỗ trợ

a) Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc tháng, doanh nghiệp bảo hiểm lập hồ sơ đề nghị chi trả phí bảo hiểm khai thác hải sản được ngân sách nhà nước hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều này gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hoàn thành việc thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xem xét, quyết định chi trả phí bảo hiểm khai thác hải sản được ngân sách nhà nước hỗ trợ cho doanh nghiệp bảo hiểm;

c) Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chức năng của tỉnh hoàn thành việc chi trả cho doanh nghiệp bảo hiểm toàn bộ phí bảo hiểm khai thác hải sản được ngân sách trung ương và ngân sách địa phương hỗ trợ.

Điều 9. Lập dự toán ngân sách

Việc lập và chấp hành dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành và hướng dẫn tại Thông tư này.

1. Cùng với thời gian lập dự toán ngân sách hàng năm, căn cứ số lượng tàu, danh sách thuyền viên làm việc trên tàu có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách bảo hiểm khai thác hải sản (trong đó xác định rõ phần ngân sách địa phương phải cân đối và phần ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định) gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cùng với dự toán chi ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước gửi Bộ Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định.

2. Đối với năm 2014, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan tổng hợp, dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách bảo hiểm báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ cho các địa phương.

Điều 10. Phân bổ dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí

1. Phân bổ dự toán

a) Hàng năm, căn cứ dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Tài chính thực hiện bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện chính sách bảo hiểm khai thác hải sản theo quy định tại Nghị định 67/2014/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này;

b) Căn cứ dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao và phần ngân sách địa phương tự đảm bảo: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, lập phương án phân bổ dự toán kinh phí, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chính sách bảo hiểm khai thác hải sản trong dự toán chi đã được duyệt.

2. Về quản lý và quyết toán kinh phí

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý và sử dụng, quyết toán kinh phí đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Trường hợp kết thúc năm, kinh phí hỗ trợ phí bảo hiểm khai thác hải sản không sử dụng hết (nếu có) được chuyển sang năm sau để tiếp tục hỗ trợ, địa phương không được sử dụng cho mục đích khác. Trường hợp trong năm thiếu kinh phí, các địa phương chủ động ứng trước kinh phí để chi trả cho doanh nghiệp bảo hiểm; đồng thời gửi văn bản về Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét bổ sung từ ngân sách trung ương (đối với các địa phương được ngân sách trung ương hỗ trợ). Kết thúc thời gian thực hiện chính sách bảo hiểm khai thác hải sản, số kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ còn dư (nếu có), đề nghị địa phương hoàn trả ngân sách trung ương;

b) Kinh phí hỗ trợ phí bảo hiểm theo Điều 5 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP được tổng hợp vào quyết toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của từng cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Chương III TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 11. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chấp thuận doanh nghiệp bảo hiểm triển khai bảo hiểm khai thác hải sản theo quy định tại Thông tư này.

2. Bố trí ngân sách thực hiện chính sách bảo hiểm khai thác hải sản theo quy định tại Thông tư này.

3. Kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp bảo hiểm được chấp thuận triển khai bảo hiểm khai thác hải sản; kiểm tra, giám sát việc cấp kinh phí hỗ trợ.

4. Hàng năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình và kết quả thực hiện chính sách bảo hiểm khai thác hải sản.

5. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức tổng kết việc thực hiện chính sách bảo hiểm khai thác hải sản.

Điều 12. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản tại địa phương thực hiện:

a) Hướng dẫn các chủ tàu thực hiện đúng quy định pháp luật về đăng ký tàu, đăng ký thuyền viên, đăng kiểm, xin cấp phép khai thác hải sản, quy định về bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên làm việc trên tàu và các quy định pháp luật khác có liên quan về khai thác hải sản.

b) Hướng dẫn các chủ tàu tham gia vào các tổ đội, hợp tác xã khai thác hải sản; tham gia bảo hiểm khai thác hải sản để phòng ngừa các rủi ro bất ngờ có thể xảy ra;

c) Cung cấp cho doanh nghiệp bảo hiểm các tài liệu, giấy tờ liên quan đến việc xác định giá trị tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ tham gia bảo hiểm khai thác hải sản; xác định thuyền viên làm việc trên tàu tham gia bảo hiểm khai thác hải sản đã đăng ký; xác định tính hợp pháp về bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn về thuyền viên do chủ tàu cung cấp cho doanh nghiệp bảo hiểm và các tài liệu khác có liên quan giúp doanh nghiệp bảo hiểm giải quyết bồi thường được nhanh chóng, thuận lợi.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính trong công tác tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ phí bảo hiểm theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hướng dẫn các chủ tàu tham gia các tổ đội, hợp tác xã khai thác hải sản; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có thẩm quyền liên quan thực hiện nhanh chóng các thủ tục chứng thực thành lập các tổ đội, hợp tác xã khai thác hải sản tạo điều kiện cho các chủ tàu có đủ điều kiện tham gia bảo hiểm khai thác hải sản.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhanh chóng thủ tục xác nhận đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm theo đề nghị của chủ tàu. Việc xác nhận đối tượng hỗ trợ bảo hiểm khai thác hải sản được thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thông báo cho chủ tàu về việc doanh nghiệp bảo hiểm đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm sau khi nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm đối với chủ tàu.

4. Chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan của địa phương phối hợp với doanh nghiệp bảo hiểm hướng dẫn các chủ tàu tham gia bảo hiểm khai thác hải sản; cung cấp các tài liệu có liên quan đến việc xác định giá trị tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ tham gia bảo hiểm; xác định nguyên nhân tổn thất... và các tài liệu có liên quan khác tạo điều kiện cho doanh nghiệp bảo hiểm giải quyết bồi thường được nhanh chóng, thuận lợi.

5. Chỉ đạo Biên phòng hỗ trợ, cung cấp cho doanh nghiệp bảo hiểm, chủ tàu các tài liệu liên quan đến việc xác định hoạt động của tàu, danh sách thuyền viên làm việc trên tàu và các tài liệu liên quan khác tạo điều kiện cho doanh nghiệp bảo hiểm giải quyết bồi thường được nhanh chóng, thuận lợi.

6. Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định hồ sơ hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

7. Tổ chức tuyên truyền về chính sách bảo hiểm khai thác hải sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương.

8. Định kỳ hàng quý, hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập báo cáo chi tiết về tình hình hỗ trợ phí bảo hiểm khai thác hải sản theo mẫu quy định tại Phụ lục 6, Phụ lục 7 ban hành kèm Thông tư này và gửi về Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thời gian gửi báo cáo quý chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý; báo cáo năm sau 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm.

Điều 14. Trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm

1. Đăng ký triển khai bảo hiểm khai thác hải sản theo hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư này.

2. Các doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm phối hợp xây dựng quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm khai thác hải sản và đăng ký với Bộ Tài chính để thực hiện thống nhất.

3. Xây dựng quy trình nghiệp vụ thống nhất về khai thác, giám định và bồi thường bảo hiểm khai thác hải sản để áp dụng.

4. Phối hợp với Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam xây dựng chương trình tái bảo hiểm khai thác hải sản đảm bảo an toàn tài chính và thực hiện tái bảo hiểm cho các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước với mức giữ lại tối đa theo quy định pháp luật.

5. Tổ chức triển khai thực hiện bảo hiểm khai thác hải sản theo quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và quy tắc, điều khoản, biểu phí đã được Bộ Tài chính chấp thuận.

6. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin để thống kê, cập nhật, quản lý việc triển khai bảo hiểm khai thác hải sản.

7. Thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách bảo hiểm khai thác hải sản.

8. Báo cáo Bộ Tài chính kết quả triển khai bảo hiểm khai thác hải sản theo quy định sau:

a) Doanh nghiệp bảo hiểm phải báo cáo Bộ Tài chính định kỳ tháng và năm theo mẫu quy định tại Phụ lục 8, Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể:

- Thời hạn gửi báo cáo tháng: Chậm nhất là mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc tháng.

- Thời hạn gửi báo cáo năm: Chậm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b) Ngoài các báo cáo trên, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN³**

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2014 và được áp dụng từ ngày 25 tháng 8 năm 2014.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 24/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2015

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

09940086

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

³ Thông tư số 97/2015/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2015, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2015 quy định như sau:

“Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2015.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết.”

Phụ lục 1

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN TRIỂN KHAI BẢO HIỂM THEO
NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2014/NĐ-CP NGÀY 07/7/2014 CỦA CHÍNH PHỦ**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014
của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN TRIỂN KHAI BẢO HIỂM THEO
NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2014/NĐ-CP NGÀY 07/7/2014 CỦA CHÍNH PHỦ**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

Chúng tôi là:

- [Tên đầy đủ và chính thức của doanh nghiệp bảo hiểm]

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày..... tháng.... năm....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận cho công ty chúng tôi được tham gia triển khai bảo hiểm theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

Công ty cam kết đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quy định tại Điều 4 Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản./.

....., ngày.... tháng.... năm...

Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo

(Theo quy định tại Điều 4 Thông tư này)

Phụ lục 2

MẪU ĐỀ NGHỊ CHI TRẢ PHÍ BẢO HIỂM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 115/2014/TT-BTC
ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CHI TRẢ PHÍ BẢO HIỂM

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

Căn cứ số lượng tham gia bảo hiểm tại địa bàn tỉnh, thành phố...

Chúng tôi là:

- [Tên đầy đủ và chính thức của doanh nghiệp bảo hiểm]
- Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày.... tháng.... năm....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/thành phố... thực hiện các thủ tục cần thiết để chi trả cho công ty chúng tôi phí bảo hiểm được ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

Số tiền đề nghị chi trả:..... đồng

Công ty cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của Đơn này và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ kèm theo
(Liệt kê đầy đủ)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...;

....., ngày.... tháng.... năm...

Đại diện trước pháp luật
Chủ tịch/Tổng Giám đốc
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 3

MẪU VĂN BẢN XÁC NHẬN ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ BẢO HIỂM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2014/NĐ-CP NGÀY 07/7/2014 CỦA CHÍNH PHỦ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20/8/2014 của Bộ Tài chính và được sửa đổi theo quy định tại Thông tư số 97/2015/TT-BTC ngày 23/6/2015 của Bộ Tài chính)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
 XÃ/PHƯỜNG...**

Số:...../UBND

V/v xác nhận đối tượng được
 hỗ trợ bảo hiểm theo Nghị
 định số 67/2014/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số 67/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

Trên cơ sở đề nghị của (*Tên chủ tàu*)/địa chỉ và hồ sơ kèm theo, Ủy ban nhân dân xã/phường xác nhận....

1. Ông..... sở hữu, quản lý, sử dụng tàu:

- Tên tàu (nếu có):

- Số đăng ký:

- ⁴(*được bãi bỏ*)

- Tổng công suất máy chính:

Hiện đang là thành viên của tổ đội, hợp tác xã [tên tổ đội, hợp tác xã] được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép/chứng thực thành lập ngày... tháng... năm... (*danh sách đính kèm có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã/phường... trong trường hợp chủ tàu sở hữu, quản lý, sử dụng nhiều tàu*) và thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

2. Danh sách/số lượng thuyền viên làm việc trên từng tàu thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (*danh sách đính kèm nếu có*).

Ủy ban nhân dân xã/phường... xác nhận các thông tin nêu trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các thông tin đã xác nhận.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

....., ngày... tháng... năm...

Chủ tịch UBND xã/phường
 (Ký tên và đóng dấu)

4 Cụm từ “Giá trị tàu” được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 97/2015/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2015.

Phụ lục 4

BẢNG KÊ GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM TAI NẠN THUYỀN VIÊN TẠI ĐỊA BÀN TỈNH.....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(Dùng cho doanh nghiệp bảo hiểm báo cáo Sở NN và PTNT)

TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM.....

Báo cáo từ ngày.... tháng đến ngày... tháng... năm 20...

STT	Tên chủ tàu	Giấy chứng nhận bảo hiểm	Tổng số thuyền viên được bảo hiểm	Tổng số tiền bảo hiểm (đồng)	Tỷ lệ phí bảo hiểm (%)	Tổng số phí bảo hiểm NSNN hỗ trợ (đồng)
	Tàu có tổng công suất máy chính từ 90CV đến dưới 400CV					
A	Huyện					
I	Xã.....					
1	Tên chủ tàu					
					
	Tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên					
A	Huyện					
I	Xã.....					
1	Tên chủ tàu					
					
	Tổng số					

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thật.

....., ngày..... tháng..... năm....

Đại diện trước pháp luật
(Ký và đóng dấu)

Phụ lục 5

BẢNG KÊ GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM THÂN TÀU, TRANG THIẾT BỊ, NGƯ LƯỚI CỤ TẠI ĐỊA BÀN TỈNH.....*(Ban hành kèm theo Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính)**(Dùng cho doanh nghiệp bảo hiểm báo cáo Sở NN và PTNT)***TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM.....**

Báo cáo từ ngày.... tháng đến ngày... tháng... năm 20...

STT	Tên chủ tàu	Giấy chứng nhận bảo hiểm	Đối tượng được bảo hiểm		Giá trị được bảo hiểm (đồng)		Tỷ lệ phí bảo hiểm (%)		Tổng số phí bảo hiểm (đồng)		
			Thân tàu	Trang thiết bị, ngư lưới cụ	Thân tàu	Trang thiết bị, ngư lưới cụ	Thân tàu	Trang thiết bị, ngư lưới cụ	Bao gồm		
									Tổng số	Phần các chủ tàu nộp	Phần NSNN hỗ trợ
	Tàu có tổng công suất máy chính từ 90CV đến dưới 400CV										
A	Huyện										
I	Xã.....										
1	Tên chủ tàu										
										
	Tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên										
A	Huyện										
I	Xã.....										
1	Tên chủ tàu										
										
	Tổng số										

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thật.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Đại diện trước pháp luật
(Ký và đóng dấu)

Phụ lục 6

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHI TRẢ PHÍ BẢO HIỂM
TAI NẠN THUYỀN VIÊN***(Ban hành kèm theo Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014
của Bộ Tài chính)*Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố
Báo cáo quý, năm

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Địa bàn	Số lượng tàu tham gia bảo hiểm	Số lượng thuyền viên tham gia bảo hiểm	Tổng số tiền bảo hiểm tai nạn thuyền viên	Tổng số phí bảo hiểm	Bao gồm			Lý do chưa thanh toán
						Chi từ nguồn NSTW (đã chi)	Chi từ nguồn NSDP (đã chi)	Chưa thanh toán theo đề nghị của DNBH	
A	Tàu có tổng công suất máy chính từ 90CV đến dưới 400CV								
I	Huyện								
1	Xã								
								
B	Tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên								
I	Huyện								
1	Xã								
								
	Tổng số								

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thật.

....., ngày..... tháng..... năm....

Chủ tịch UBND tỉnh
(Ký tên đóng dấu)

Phụ lục 7

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHI TRẢ PHÍ BẢO HIỂM THÂN TÀU, TRANG THIẾT BỊ, NGƯ LƯỚI CỤ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành

Báo cáo quý, năm

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Địa bàn	Số lượng tàu tham gia bảo hiểm	Tổng giá trị bảo hiểm		Tổng phí bảo hiểm		Bao gồm					Lý do chưa thanh toán
			Thân tàu	Trang thiết bị, ngư lưới cụ	Thân tàu	Trang thiết bị, ngư lưới cụ	Phần các chủ tàu đã nộp	Phần NSNN hỗ trợ (đã chi)	Bao gồm			
									Chi từ nguồn NSTW	Chi từ nguồn NSDP	Chưa thanh toán theo đề nghị của DNBH	
A	Tàu có tổng công suất máy chính từ 90CV đến dưới 400CV											
I	Huyện....											
I	Xã											
											
B	Tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên											
I	Huyện....											
I	Xã											
											
	Tổng số											

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thật.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Chủ tịch UBND tỉnh

(Ký tên đóng dấu)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI BẢO HIỂM TAI NẠN THUYỀN VIÊN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính)

TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM.....

Báo cáo tháng, quý, năm

STT	Tên chủ tàu	Tổng số lượng tàu tham gia bảo hiểm (chiếc)	Tổng số lượng thuyền viên được bảo hiểm (người)	Tổng số tiền bảo hiểm (đồng)	Tổng số phí bảo hiểm (đồng)			Tổng số tiền chi trả bảo hiểm (đồng)	
					Tổng số	Phần NSTW hỗ trợ	Phần NSDP hỗ trợ	Tổng số tiền đã chi trả bảo hiểm	Dự phòng bồi thường
	Tàu có tổng công suất máy chính từ 90CV đến dưới 400 CV								
A	Tỉnh								
I	Huyện								
1	Xã.....								
1.1	Tổ đội, hợp tác xã								
								
	Tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên								
A	Tỉnh								
I	Huyện								

STT	Tên chủ tàu	Tổng số lượng tàu tham gia bảo hiểm (chiếc)	Tổng số lượng thuyền viên được bảo hiểm (người)	Tổng số tiền bảo hiểm (đồng)	Tổng số phí bảo hiểm (đồng)			Tổng số tiền chi trả bảo hiểm (đồng)	
					Tổng số	Phần NSTW hỗ trợ	Phần NSDP hỗ trợ	Tổng số tiền đã chi trả bảo hiểm	Dự phòng bồi thường
1	Xã.....								
1.1	Tổ đội, hợp tác xã								
								
	Tổng số								

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thật.

....., ngày.... tháng..... năm....

Đại diện trước pháp luật
(Ký và đóng dấu)

Phụ lục 9

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI BẢO HIỂM THÂN TÀU, TRANG THIẾT BỊ, NGƯ LƯỚI CỤ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính)

TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM.....

Báo cáo tháng, quý, năm

STT	Tên chủ tàu	Tổng số lượng tàu tham gia bảo hiểm	Đối tượng bảo hiểm		Giá trị được bảo hiểm (đồng)		Tổng số phí bảo hiểm (đồng)					Tổng số tiền bồi thường bảo hiểm (đồng)	
			Thân tàu	Trang thiết bị, ngư lưới cụ	Thân tàu	Trang thiết bị, ngư lưới cụ	Tổng số		Bao gồm			Tổng số tiền đã giải quyết bồi thường bảo hiểm	Dự phòng bồi thường
							Thân tàu	Trang thiết bị, ngư lưới cụ	Phần chủ tàu nộp	Phần NSTW hỗ trợ	Phần NSDP hỗ trợ		
	Tàu có tổng công suất máy chính từ 90CV đến 400 CV												
A	Tỉnh												
1	Huyện												
1	Xã.....												
1.1	Tổ đội, hợp tác xã												
												
	Tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên												
A	Tỉnh												
1	Huyện												
1	Xã.....												
1.1	Tổ đội, hợp tác xã												
												
	Tổng số												

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thật.

....., ngày..... tháng..... năm....

Đại diện trước pháp luật

(Ký và đóng dấu)